

Số: *867* /QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày *18* tháng *4* năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 4/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi và Công văn số 39/TTHĐND-VP ngày 05/4/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về việc đính chính văn bản;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 801/KHĐT-QLKT ngày 07/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, như sau:

1. Tổng nguồn vốn bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung giai đoạn 2021-2025: 55.010 triệu đồng.

2. Phương án phân bổ: *(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Trình Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố thông qua về phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án cho các đơn vị, địa phương trực thuộc, theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng và các văn bản hướng dẫn của chương trình. Trong đó: Đảm bảo tỷ lệ số lượng dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù tối thiểu 10% số lượng dự án đầu tư của Chương trình.

- Thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã, đóng góp người dân, các chương trình mục tiêu khác và các nguồn vốn hợp pháp nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu của các Chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững, Xây dựng Nông thôn mới, Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp đã ban hành.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm báo cáo việc phân bổ chi tiết bổ sung vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 của địa phương về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để tổng hợp, theo dõi và báo cáo cấp trên theo quy định.

2. Các địa phương, đơn vị có tên tại Điều 1, căn cứ kế hoạch vốn được giao, khẩn trương triển khai thực hiện, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 1, 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH.



CHỦ TỊCH

Trần Thắng

Phụ lục:
**Giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn
 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
 xây dựng nông thôn mới**

(Kèm theo Quyết định số **867** /QĐ-UBND ngày **18/4/2023** của UBND tỉnh Quảng Bình)


ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Kế hoạch bổ sung giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	TỔNG SỐ	55.010	
A	PHÂN BỐ CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	49.510	
I	Huyện Lệ Thủy	4.977	
<i>a</i>	<i>Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới</i>		
1	Phong Thủy	262	
2	Lộc Thủy	262	
3	An Thủy	262	
4	Mỹ Thủy	262	
5	Mai Thủy	262	
6	Liên Thủy	262	
7	Dương Thủy	262	
8	Tân Thủy	262	
9	Cam Thủy	262	
10	Xuân Thủy	262	
11	Phú Thủy	262	
12	Hồng Thủy	262	
13	Trường Thủy	262	
14	Sơn Thủy	262	
15	Thanh Thủy	262	
16	Sen Thủy	262	
17	Hoa Thủy	262	
18	Hưng Thủy	262	
19	Thái Thủy	261	
II	Huyện Quảng Ninh	3.929	
<i>a</i>	<i>Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới</i>		
1	Vạn Ninh	262	
2	An Ninh	262	
3	Tân Ninh	262	
4	Xuân Ninh	262	
5	Hiền Ninh	262	
6	Gia Ninh	262	
7	Võ Ninh	262	
8	Duy Ninh	262	
9	Hàm Ninh	262	
10	Lương Ninh	262	
11	Vĩnh Ninh	262	

TT	Đơn vị	Kế hoạch bổ sung giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
12	Hải Ninh	261	
<i>b</i>	<i>Xã đạt 15-18 tiêu chí</i>		
13	Trường Xuân	786	
III	Thành phố Đồng Hới	1.572	
<i>a</i>	<i>Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới</i>		
1	Đức Ninh	262	
2	Bảo Ninh	262	
3	Nghĩa Ninh	262	
4	Quang Phú	262	
5	Thuận Đức	262	
6	Lộc Ninh	262	
IV	Huyện Bố Trạch	9.954	
<i>a</i>	<i>Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới</i>		
1	Đại Trạch	262	
2	Trung Trạch	262	
3	Vạn Trạch	262	
4	Bắc Trạch	262	
5	Hạ Trạch	262	
6	Đông Trạch	262	
7	Thanh Trạch	262	
8	Nhân Trạch	262	
9	Đức Trạch	262	
10	Tây Trạch	262	
11	Nam Trạch	262	
12	Sơn Lộc	262	
13	Cự Năm	262	
14	Hòa Trạch	262	
15	Phú Định	261	
16	Lý Trạch	261	
<i>b</i>	<i>Xã đạt 15-18 tiêu chí</i>		
17	Hải Phú	786	
18	Phúc Trạch	786	
19	Mỹ Trạch	786	
20	Hưng Trạch	786	
<i>c</i>	<i>Xã đạt dưới 15 tiêu chí</i>		
21	Lâm Trạch	1.310	
22	Xuân Trạch	1.310	
V	Huyện Quảng Trạch	7.335	
<i>a</i>	<i>Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới</i>		
1	Quảng Đông	262	
2	Quảng Phú	262	
3	Quảng Tùng	262	
4	Quảng Hưng	262	
5	Quảng Xuân	262	

TT	Đơn vị	Kế hoạch bổ sung giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
6	Quảng Thanh	262	
7	Quảng Phương	262	
8	Quảng Lưu	262	
9	Liên Trường	262	
10	Cảnh Dương	261	
b	Xã đạt 15-18 tiêu chí		
11	Quảng Hợp	786	
12	Quảng Kim	786	
13	Quảng Châu	786	
14	Quảng Thạch	786	
15	Quảng Tiên	786	
16	Cảnh Hoá	786	
VI	Thị xã Ba Đồn	2.620	
a	Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới		
1	Quảng Tân	262	
2	Quảng Trung	262	
3	Quảng Tiên	262	
4	Quảng Minh	262	
5	Quảng Sơn	262	
6	Quảng Thủy	262	
7	Quảng Hoà	262	
8	Quảng Lộc	262	
9	Quảng Văn	262	
10	Quảng Hải	262	
VII	Huyện Tuyên Hoá	9.692	
a	Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới		
1	Văn Hoá	262	
2	Tiến Hoá	262	
3	Châu Hoá	262	
4	Mai Hoá	262	
5	Phong Hoá	262	
6	Đức Hoá	262	
7	Đồng Hoá	262	
8	Thuận Hoá	261	
9	Hương Hoá	261	
b	Xã đạt 15-18 tiêu chí		
10	Thạch Hoá	786	
11	Sơn Hoá	786	
12	Lê Hoá	786	
13	Kim Hoá	786	
14	Thanh Hoá	786	
15	Cao Quảng	786	
c	Xã đạt dưới 15 tiêu chí		
16	Thanh Thạch	1.310	
17	Ngự Hoá	1.310	

TT	Đơn vị	Kế hoạch bổ sung giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
VIII	Huyện Minh Hoá	9.431	
<i>a</i>	<i>Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới</i>		
1	Xuân Hoá	262	
2	Trung Hoá	262	
3	Hoá Hợp	261	
<i>b</i>	<i>Xã đạt 15-18 tiêu chí</i>		
4	Tân Hoá	786	
<i>c</i>	<i>Xã đạt dưới 15 tiêu chí</i>		
5	Hoá Phúc	1.310	
6	Hồng Hoá	1.310	
7	Yên Hoá	1.310	
8	Minh Hoá	1.310	
9	Hoá Tiến	1.310	
10	Hoá Thanh	1.310	
B	TRÍCH 10% NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, CHUYÊN ĐỀ THEO HƯỚNG DẪN CỦA BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG	5.500	Có Quyết định phân bổ sau

* Kế hoạch vốn phân bổ trên cơ sở Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình 

neu

